

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 5 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hải Quân.

Ông Hoàng Văn Thường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1986; cư trú tại: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

- Bị đơn: Anh Đặng Thanh T, sinh năm 1978; cư trú tại: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2019, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Thanh T kết hôn từ năm 2007, anh chị có được tình hiểu yêu thương, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau và thậm chí rất nhiều lần anh T đã đánh đập chị nhưng vì con nên chị

cố gắng tiếp tục chung sống với anh. Đến năm 2017, do không thể chịu đựng được nữa chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và làm đơn xin được ly hôn ra Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Tại Tòa án anh T đã hứa sẽ thay đổi nên chị chấp nhận cho anh thêm cơ hội, quay về đoàn tụ chung sống cùng anh. Tuy nhiên, từ tháng 6 năm 2018 cho đến nay anh, chị lại sống ly thân với nhau, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống nguyên nhân do anh T không thay đổi, anh thường xuyên gây sự đánh đập chị. Nay, chị xác định không còn tình cảm gì với anh T nữa, chị xin được ly hôn với anh.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Đặng Thanh T có 01 con chung là Đặng Tiến M, sinh ngày 07/10/2008, hiện con đang ở với chị. Khi ly hôn chị N xin được quyền nuôi con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có..

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Hoàng Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị N kết hôn từ năm 2007, anh chị có được tình hiểu yêu thương, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống bình thường, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là do bất đồng quan điểm sống. Anh có được đánh chị hai lần nhưng không đến mức như chị N trình bày. Năm 2017, chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và đã làm đơn ly hôn ra Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Tuy nhiên, sau đó chị đã rút đơn và quay về đoàn tụ chung sống cùng anh. Đến tháng 6 năm 2018 chị N lại tiếp tục bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, anh và chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay, chị N xin ly hôn với anh, anh không đồng ý do vẫn còn tình cảm với chị, anh mong vợ chồng quay về đoàn tụ chung sống để cùng nhau nuôi dạy con.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh và chị N có 01 con chung là Đặng Tiến M, sinh ngày 07/10/2008, hiện con đang ở với chị N. Khi ly hôn anh T xin được quyền nuôi con, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng

các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Lê Thị N, cho chị N được ly hôn với anh Tấn.

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung là Đặng Tiến M, sinh ngày 07/10/2008 cho chị Lê Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đặng Thanh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng cháu Đặng Tiến M là muốn được ở cùng với mẹ.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có

- Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Lê Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Đặng Thanh T có địa chỉ tại thôn V, xã H, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2007, chị Lê Thị N và anh Đặng Thanh T về chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Đến năm 2017, anh chị bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng cãi vã nhiều lần và xảy ra xô xát, chị N đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng quay về đoàn tụ chung sống. Tuy nhiên, sau khi về chung sống đến tháng 6 năm 2018 anh chị lại tiếp tục mâu thuẫn, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Qua xác minh tại địa phương thấy rằng, chị N và anh T thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến xô xát, ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của nhau, ngoài ra, anh T đã bị Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn xử phạt hành chính do có hành vi bạo lực gia đình với chị N. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau, anh T hiện nay dù có nguyện vọng muốn vợ chồng

quay về đoàn tụ chung sống nhưng anh không có biện pháp gì để giải quyết dứt điểm mâu thuẫn vợ chồng, nếu anh chỉ quay về đoàn tụ chung sống với nhau cũng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, hai người không còn tiếng nói chung, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị N được ly hôn với anh T là có căn cứ. Vì vậy Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị N, anh T có 01 con chung là Đặng Tiến M, sinh ngày 07/10/2008, hiện nay con chung đang ở cùng với chị N, khi ly hôn cả chị N và anh T đều xin được nuôi con. Xét thấy, hiện nay chị N và anh T đều có công việc, thu nhập ổn định, chị N là nhân viên nấu ăn của Trường Mầm non xã H, huyện H, anh T là kế toán xã H. Cả chị N anh T đều có chỗ ở ổn định tại xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn thuận tiện cho việc chăm sóc, nuôi dạy con. Tuy nhiên, tại biên bản lấy ý kiến, nguyện vọng của con chung là cháu Đặng Tiến M ngày 24/02/2020, cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ, vì khi ở với bố, cháu hay bị bố đánh, không được cho ăn cơm, chơi với các bạn, còn ở với mẹ cháu không bị đánh bao giờ, mẹ chỉ mắng khi cháu hư và cháu được chơi với các bạn. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Đặng Tiến M, sinh ngày 07/10/2008, anh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị N, anh T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị N - Xử cho nguyên đơn chị Lê Thị N được ly hôn với bị đơn anh Đặng Thanh T.

2. Về con chung:

Giao cháu Đặng Tiến M, sinh ngày 07/10/2008 cho chị Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Đặng Thanh T không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị N đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0000162, ngày 09 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã H;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết

